

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/ 2018/ HS-ST
Ngày: 05/ 9/ 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Để Dành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức;

Ông Đinh Văn Diện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hoàng Anh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Phước N (Mười N), sinh 1971 tại An Giang; nơi cư trú: ấp Hòa Đông, thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh A; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh 1923 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh 1926; vợ Nguyễn Thị Hồng P, sinh 1969 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 11/9/2017 đến nay.

Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A; địa chỉ: ấp Đông Sơn II, thị trấn Núi Sập, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện: Ông Văng Công T - Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A-là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 924/QĐ-CCT ngày 31/7/2017(có mặt).

Bị hại:

1. Bà Lê Thanh T, sinh 1965; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

2. Bà Phan Kim P, sinh 1961; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

3. Anh Trương Trọng N, sinh 1980; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

4. Chị Đinh Thị Thanh T, sinh 1985; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp B, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Như H, sinh 1961; nơi công tác: Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A (có mặt).

2. Ông Trần Thanh H, sinh 1970; nơi công tác: Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Hùng C, sinh 1967; nơi công tác: Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A (có mặt).

4. Ông Huỳnh Trí C, sinh 1972; nơi công tác: Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A (có mặt).

5. Ông Nguyễn Hồng P, sinh 1973; nơi cư trú: Khóm Tây Huề 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh A (vắng mặt).

6. Bà Bành Thị Phương H, sinh 1972; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

7. Ông Võ Thanh T, sinh 1971; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

8. Bà Trương Thị Thu H, sinh 1974; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

9. Bà Trương Thị Kim H, sinh 1960; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

10. Ông Đặng Văn T, sinh 1957; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

11. Bà Huỳnh Ngọc T, sinh 1975; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

12. Chị Trần Ngọc D, sinh 1976; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp B, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

13. Bà Trần Thị T, sinh 1954; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

14. Ông Mai L, sinh 1970; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp B, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

15. Ông Lý Lập L, sinh 1956; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

16. Bà Huỳnh Thị Ngọc Đ, sinh 1974; nơi cư trú: ấp Tân Đông, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

17. Chị Đặng Thị Đ, sinh 1977; nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn O, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

18. Chị Trần Kim L, sinh 1988; nơi cư trú: ấp Kinh Đào, xã Phú Thuận, huyện T, tỉnh A (có mặt).

19. Chị Nguyễn thị M (H), sinh 1981; nơi cư trú: ấp Kinh Đào, xã Phú Thuận, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

20. Anh Dương Văn S, sinh 1972; nơi cư trú: ấp Tây Bình C, xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

21. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh 1989; nơi cư trú: ấp Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

22. Anh Phạm Quốc V, sinh 1982; nơi cư trú: ấp Tây Bình C, xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Phước N được Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A, tuyển dụng năm 1998. Quá trình công tác đến ngày 03/9/2014, được điều động đến Đội thuế liên xã, thị trấn và được giao nhiệm vụ thu thuế địa bàn thị trấn O, đến ngày 17/03/2016 được giao nhiệm vụ thu thuế địa bàn xã Phú Trà và xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh A. Khi thực hiện nhiệm vụ, bị cáo thu tiền các cá nhân kinh doanh nộp thuế nhưng không nộp và nộp không đủ số tiền đã thu vào ngân sách Nhà nước nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thuế; thu tiền các cá nhân kinh doanh nhưng không lập chứng từ thu (liên 2) giao người nộp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các cá nhân kinh doanh, như sau:

1. Bị cáo thu tiền nộp thuế giao liên 2 cho người nộp đúng theo quy định và thu tiền nộp thuế nhưng không giao liên 2 cho người nộp theo quy định. Khi quyết toán, bị cáo lấy số tiền, tên người nộp không giao liên 2, ghi thành liên 1 và lấy số tiền này quyết toán cho khoản thu mà bị cáo đã giao liên 2 cho người nộp, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thuế, cụ thể:

- Ngày 24/8/2015 thu thuế tháng 8/2015, người nộp Nguyễn Hồng P, số tiền thu 9.450.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 26140); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 250.000 đồng của Trương Trọng N, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 26140) nội dung thu thuế tháng 8/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 28/01/2016 thu thuế quý 1/2016, người nộp Nguyễn Hồng P, số tiền thu 31.455.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 31499); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 249.000 đồng của Trương Trọng N, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 31499) nội dung thu thuế quý 1/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Thu thuế dịch vụ bơm nước 2015, người nộp Dương Văn S, số tiền thu 5.400.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 39078); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 300.000 đồng của Trương Trọng N, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 39078) nội dung thu thuế 5/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 27/6/2016 thu thuế tháng 7,8,9/2016, người nộp Nguyễn Thái Sơn, số tiền thu 6.249.600 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 6210); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 129.900 đồng của Nguyễn Thị Hạnh, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 6210) nội dung thu thuế tháng 6/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 25/5/2016 thu thuế từ tháng 6 đến tháng 12/2016, người nộp Phạm Quốc V, số tiền thu 5.832.750 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 40085); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 150.000 đồng của Trần Kim L, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 40085) nội dung thu thuế 02/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 22/3/2016 thu thuế xây dựng 2016, người nộp Mai L, số tiền thu 3.628.800 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 35856); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 700.000 đồng của Bành Thị Phương H, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 35856) nội dung thu thuế 03/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 24/4/2015 thu thuế xây dựng tháng 4/2015, người nộp Trần Thị T, số tiền thu 2.898.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 11091); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 2.100.000 đồng của Võ Thanh T, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 11091) nội dung thu thuế tháng 4/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Thu thuế tháng 3,4/2015, người nộp Võ Thanh T, số tiền thu 4.200.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 20467); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 20467) nội dung thu thuế tháng 3/2015, số tiền thu 2.100.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 26/10/2015 thu thuế tháng 10,11,12/2015, người nộp Trương Thị Kim H, số tiền thu 3.625.800 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 38824); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 38824) nội dung thu thuế tháng 10/2015, số tiền thu 1.208.600 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Thu thuế tháng 8,9,10/2015, người nộp Bành Thị Phương H, số tiền thu 1.800.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 43373); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 1.800.000 đồng của Trần Ngọc D, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 43373) nội dung thu thuế tháng 8,9,10/2015) nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 24/4/2015 thu thuế tháng 4,5,6/2015, người nộp Trương Thị Thu H, số tiền thu 3.873.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 11403); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 11403) nội dung thu thuế tháng 4/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.291.700 đồng;

- Ngày 25/12/2015 thu thuế tháng 10, 11,12/2015, người nộp Trần Ngọc D, số tiền thu 2.700.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 44877); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 44877) nội dung thu thuế tháng 12/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 900.000 đồng;

- Ngày 27/4/2015 thu thuế tháng 4,5,6/2015, người nộp Đặng Văn T, số tiền thu 10.398.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 11411); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 11411) nội dung thu thuế tháng 4/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.466.700 đồng;

- Ngày 25/8/2015 thu thuế tháng 8,9/2015, người nộp Đặng Văn T, số tiền thu 6.934.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 26139); nhưng bị cáo ghi

liên 1 (số biên lai 26139) nội dung thu thuế tháng 8/2015 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.467.000 đồng;

- Ngày 04/6/2016 thu thuế tháng 1/2016, người nộp Đặng Văn T, số tiền thu 4.500.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 32806); nhưng bị cáo không nộp vào ngân sách Nhà nước mà lấy số tiền thu 129.900 đồng của Đặng Thị Đ, không giao liên 2, ghi thành liên 1 (số biên lai 32806) nội dung thu thuế tháng 01/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Ngày 27/4/2015 thu thuế tháng 4,5,6/2015, người nộp Lý Lập L, số tiền thu 4.550.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 11404); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 11404) nội dung thu thuế tháng 01/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.516.700 đồng;

- Ngày 22/8/2016 thu thuế tháng 1,2/2016, người nộp Đặng Thị Đ, số tiền thu 260.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 32817); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 32817) nội dung thu thuế tháng 02/2016 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 129.900 đồng;

- Ngày 21/01/2016 thu thuế môn bài năm 2016, người nộp Huỳnh Thị Ngọc Đ, số tiền thu 1.000.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 16988); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 16988) nội dung thu thuế môn bài 2016 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng;

- Ngày 02/01/2016 thu thuế môn bài năm 2016, người nộp Nguyễn Thị Tuyết Hồng, số tiền thu 1.000.000 đồng, giao người nộp liên 2 (số biên lai 31607); nhưng bị cáo ghi liên 1 (số biên lai 31607) nội dung thu thuế môn bài năm 2016 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 750.000 đồng.

2. Bị cáo thu tiền nộp thuế năm 2016 của các cá nhân kinh doanh: Bành Thị Phương H 4.200.000đồng (số biên lai 6209, 6212), Võ Thanh T 9.899.850đồng (số biên lai 6211), Nguyễn Minh T 833.250đồng (số biên lai 6213), Nguyễn Văn T 300.000đồng (số biên lai 17912), Nguyễn Thị L 500.000đồng (số biên lai 17913), Phạm Hoàng A 500.000đồng (số biên lai 17914), Huỳnh Kim M 1.000.000đồng (số biên lai 17915). Lập chứng từ thu, quyết toán đúng quy định, nhưng không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt tiền thuế 14.233.100 đồng.

3. Bị cáo thu tiền các cá nhân kinh doanh địa bàn thị trấn O, huyện T, tỉnh A, cụ thể: Lê Thanh T số tiền 7.000.000đồng, Phan Kim P và Trương Trọng N số tiền 5.391.000đồng, Đinh Thị Thanh T (do Phạm Thị Ngò đứng tên đăng ký kinh doanh); nhưng không lập chứng từ thu, không giao (liên 2) cho người nộp và không lập chứng từ quyết toán, không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt số tiền 13.391.000đồng tiêu xài cá nhân.

Cáo trạng số: 33/CT-VKSTS-HS, ngày 07/ 8/ 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A, để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 và tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ

sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát công bố và diễn biến nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên.

Đại diện nguyên đơn dân sự, trình bày: Trong thời gian công tác tại Chi cục Thuế huyện T, bị cáo được điều động và phân công giao thực hiện nhiệm vụ như bị cáo khai. Khi thực hiện nhiệm vụ tại Đội thuế liên xã, thị trấn, được giao nhiệm vụ thu thuế địa bàn thị trấn O, xã Phú T và xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh A. Bị cáo thu tiền các cá nhân kinh doanh nộp thuế nhưng không nộp và nộp không đủ số tiền đã thu vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt tiền thuế 108.657.450 đồng. Kể từ khi phát hiện đến nay bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, hiện tại theo tính toán lại số tiền bị cáo đã nộp còn thừa 3.308.600 đồng, chi cục thuế sẽ làm thủ tục hoàn lại cho bị cáo.

Các bị hại, bà Phan Kim P, anh Trương Trọng N, bà Lê Thanh T, chị Đinh Thị Thanh T, đều trình bày: Biết bị cáo là cán bộ thu thuế nên mới đưa tiền cho bị cáo nộp thuế, nhưng bị cáo không ra biên lai mà cũng không nộp tiền cho cơ quan thu thuế. Bà Phụng và anh Nguyên yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.391.000đ, bà Thúy yêu cầu trả 7.000.000đ, chị Tuyên không yêu cầu bị cáo trả lại (Bút lục: 415, 416, 420, 421, 497, 498, 501, 502).

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) phạm tội "*Tham ô tài sản*" và tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*"; giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 và khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 41 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) từ 03 (Ba) năm đến 05 (Năm) năm tù về tội "*Tham ô tài sản*"; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm;

- Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*";

- Áp dụng Điều 55, tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 04 (Bốn) năm đến 07 (Bảy) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) trả lại cho bà Lê Thanh T 7.000.000đồng, bà Phan Thị Kim Phụng 5.391.000 đồng. Chi cục Thuế huyện T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo số tiền 3.068.400 đồng.

Bị cáo không tranh luận về tội danh, điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo; nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Phát biểu ý kiến trong phần tranh luận, đại diện nguyên đơn dân sự, trình bày: Trong thời gian công tác tại chi cục thuế bị cáo cũng có nhiều đóng góp cho cơ quan, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn mà bị cáo đã vi phạm pháp luật. Sau khi biết được hành vi vi phạm, bị cáo đã tích cực nộp tiền khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, các bị hại, những người làm chứng và các biên bản của hoạt động tố tụng, thể hiện: Khi được giao nhiệm vụ, bị cáo được Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A, cấp ấn chỉ (Cùi biên lai thu thuế) để thực hiện nhiệm vụ thu thuế các cá nhân kinh doanh trên địa bàn thị trấn O, xã Phú T và Vĩnh C, huyện T, tỉnh A. Nguyên tắc khi thu thuế phải viết biên lai trước mặt người nộp tiền, phải có giấy than lót dưới liên 1 (báo soát), liên 2 (giao người nộp) để viết một lần liên 1 in sang liên 2, liên 3 (bị cáo lưu để đối chiếu quyết toán) có nội dung như nhau và sau khi thu thuế về lập bảng kê thanh quyết toán biên lai đã thu với Đội trưởng Đội thuế liên xã, thị trấn và nộp tiền qua ngân hàng. Thời hạn nộp tiền thu thuế vào ngân sách Nhà nước không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền thuế. Trường hợp tiền thuế thu vượt quá 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) thì phải nộp vào ngân sách Nhà nước ngay trong ngày hoặc chậm nhất là sáng ngày làm việc tiếp theo (Theo quy trình quản lý thuế ban hành kèm theo Quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015 của Tổng Cục Trưởng Tổng Cục thuế).

[2] Với động cơ muốn chiếm đoạt tiền thuế, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao trên địa bàn thị trấn O, xã Phú T và Vĩnh C, huyện T, tỉnh A. Bị cáo tách lẻ các biên lai thu thuế và khi thu, nộp quyết toán tiền thuế, bị cáo không thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thuế 108.657.450đồng, cụ thể.

Thu tiền nộp thuế của các cá nhân kinh doanh có giao liên 2 cho người nộp đúng theo quy định và thu tiền nộp thuế nhưng không giao liên 2 cho người nộp theo quy định. Khi quyết toán, bị cáo lấy số tiền, tên người nộp không giao liên 2, ghi thành liên 1 và lấy số tiền này quyết toán cho khoản thu mà bị cáo đã giao liên 2 cho người nộp; quyết toán số tiền liên 1 thấp hơn liên 2. Chiếm đoạt tiền thuế 94.424.350đồng (BL từ 66 đến 103, 424, 425).

Thu tiền nộp thuế của các cá nhân kinh doanh: Bành Thị Phương H, Võ Thanh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Phạm Hoàng A, Huỳnh Kim M. Bị cáo lập chứng từ thu, quyết toán đúng quy định, nhưng không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt tiền thuế 14.233.100đồng.

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, động cơ, mục đích vì vụ lợi đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và xâm phạm đến quyền sở hữu của Nhà nước, phạm vào tội “*Tham ô tài sản*” theo Điều 278 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Lạm dụng quyền hạn được giao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, bị cáo thu tiền các cá nhân kinh doanh nhưng không lập chứng từ thu, không giao (liên 2) cho người nộp và không lập chứng từ quyết toán, không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt số tiền 13.391.000đồng tiêu xài cá nhân. Trong đó thu của: Bà Lê Thanh T số tiền 7.000.000đồng, bà Phan Kim P và anh Trương Trọng N số tiền 5.391.000đồng, chị Đinh Thị Thanh T (do Phạm Thị Ngô đứng tên đăng ký kinh doanh) 1.000.000đồng.

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, động cơ, mục đích vì vụ lợi đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, phạm vào tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 280 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Với mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 278 về tội “*Tham ô tài sản*” và khoản 1 Điều 280 tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; so với quy định tại khoản 2 Điều 353 về tội “*Tham ô tài sản*” và khoản 1 Điều 355 tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt bằng nhau.

Do đó, căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tại khoản 2 Điều 353 về tội “*Tham ô tài sản*” và khoản 1 Điều 355 tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội, thấy: Bị cáo là người được giao nhiệm vụ thu thuế để nộp vào ngân sách Nhà nước. Lẽ ra, khi thực hiện nhiệm vụ bị cáo phải tuân thủ nguyên tắc tài chính, kế toán và quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước. Ngược lại, lợi dụng quyền hạn được giao và sự thiếu kiểm tra, quản lý không chặt chẽ của người có thẩm quyền; bị cáo thu, lập chứng từ quyết toán chênh lệch, không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước mà bị cáo là người có trách nhiệm gián tiếp quản lý.

Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Đội thuế liên xã, thị trấn và được giao nhiệm vụ thu thuế địa bàn thị trấn O, xã Phú T và xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh A. Từ ngày 03/9/2014 đến ngày 26/7/2016, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thuế nhiều lần, với tổng số tiền 108.657.450 đồng. Đây là những tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c (*Phạm tội 02 lần trở lên*) và điểm d (*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*) khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều

353 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với hành vi lạm dụng quyền hạn được giao, bị cáo chiếm đoạt tiền của các cá nhân kinh doanh Lê Thanh T, Phan Kim P, Trương Trọng N, Đinh Thị Thanh T; làm mất niềm tin của người nộp thuế, ảnh hưởng đến chính sách thuế của Nhà nước. Tổng số tiền 13.391.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của các bị hại thuộc trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 355. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Xét, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; có thành tích xuất sắc trong công tác được Cục trưởng Cục Thuế tỉnh A tặng Giấy khen; tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đối với tội “*Tham ô tài sản*” được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; đối với tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Xét, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa nhận thức được lỗi lầm, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, biết xin lỗi nguyên đơn dân sự; hơn nữa, đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo về tội “*Tham ô tài sản*” cũng đảm bảo tính nghiêm minh và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự tự nguyện của bị cáo trả lại cho bà Lê Thanh T số tiền 7.000.000 đồng, trả lại cho bà Phan Kim P và anh Trương Trọng N số tiền 5.391.000 đồng. Chi cục Thuế huyện T có trách nhiệm trả lại cho bị cáo số tiền 3.068.400 đồng.

[9] Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Hùng C, ông Trần Thanh H và ông Huỳnh Trí C (Đội trưởng, Phó Đội trưởng). Được giao nhiệm vụ quản lý Đội thuế liên xã, thị trấn; nhưng thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, quản lý chưa chặt chẽ, không ngăn chặn kịp thời, để bị cáo chiếm đoạt tiền thuế là thiếu trách nhiệm, ảnh hưởng đến chính sách thu, nộp thuế cũng như quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước; để bị cáo chiếm đoạt tiền của các cá nhân kinh doanh làm mất niềm tin của người nộp thuế. Tuy số tiền mà bị cáo chiếm đoạt chưa gây hậu quả nghiêm trọng, không đến mức độ chịu trách nhiệm hình sự, Chi cục Thuế huyện T đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm của từng cá nhân, nhưng cần giới thiệu để rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Căn cứ vào khoản 2 Điều 353, khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) phạm tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”;

Căn cứ và điểm c, d khoản 2 và khoản 5 Điều 353, điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 41 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) 03 (Ba) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”;

- Phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) đảm nhiệm chức vụ, quyền hạn liên quan đến lĩnh vực thuế, ngân sách Nhà nước, thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 355, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) 01 (Một) năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) phải chấp hành là 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2017.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công nhận sự tự nguyện của bị cáo trả lại cho bà Lê Thanh T số tiền 7.000.000 đồng, trả lại cho bà Phan Kim P và anh Trương Trọng N số tiền 5.391.000 đồng;

- Chi cục Thuế huyện T có trách nhiệm trả lại cho bị cáo số tiền 3.068.400 đồng (Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước N (Mười N) chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 619.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, Chi cục Thuế huyện T, tỉnh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thanh T, bà Phan Kim P, anh Trương Trọng N và chị Đinh Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND thị trấn O, huyện T, tỉnh A, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**